

Bản án số: 96/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2023

V/v “tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Diễm**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Huỳnh Văn Dũng**
2. Ông **Quách Trung Sơn**
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Kim Lương** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Võ Liên Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phan Hồng S**, sinh năm 1960.
Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Bà **Lê Thị K**, sinh năm 1966.
Địa chỉ: Ấp A, xã Đp, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Ông S và bà K có đơn xin giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 30/12/2022 nguyên đơn ông Phan Hồng S trình bày: Do quen biết ông và bà Lê Thị K xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1989, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa tháng 3 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà K độc đoán, sống không chung thủy, thường xuyên nhậu nhẹt rồi kiêu chuyện chửi bới, đe dọa chém ông, cuộc sống chung không hạnh phúc. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông S xin được ly hôn với bà Lê Thị K.
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 07/4/2023 bị đơn bà Lê Thị K trình bày: Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Phan Hồng S. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có. Bà và ông S chung sống như vợ chồng không có kết hôn.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện

đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14, 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Hồng S và bà Lê Thị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với nguyên đơn ông Phan Hồng S và bị đơn bà Lê Thị K có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, ông Phan Hồng S và bà Lê Thị K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989. Trong thời gian chung sống ông S và bà K không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Nay ông S xin ly hôn với bà K và bà K cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông S. Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa ông Phan Hồng S và bà Lê Thị K không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Phan Hồng S và bà Lê Thị K không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông S và bà K cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông S và bà K cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Ông Phan Hồng S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 238, 235 và 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Hồng S và bà Lê Thị K.

2. Về án phí:

Ông Phan Hồng S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông S đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai số

0010850 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên không phải nộp tiếp.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Phan Hồng S và bà Lê Thị K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Diễm